



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY
LỢI**
KHOA: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
BỘMÔN: NHỮNG NLCB CỦA
CN MÁC-LÊNIN

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: **Đại học**

TÊN HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC
Philosophy

Số tín chỉ: 3	45 (30-15-0)			Mã học phần	MLP121
Số tiết: 45	Tổng: 45	LT: 30	TL: 7	TQ: 6	KT: 2
Học phần tiên quyết:	Không				
Học phần học trước:	Không				
Học phần song hành:	Không				
Là học phần bắt buộc cho ngành:	Tất cả các ngành				
Là học phần tự chọn cho ngành:	Không				

(Ghi chú: LT: Lý thuyết, TL: Thảo luận, TQ: Thăm quan, KT: Kiểm tra).

1. Mục tiêu của học phần

- Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác – Lênin, từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;
- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

2. Nội dung tóm tắt học phần

Tiếng Việt:

Học phần gồm có 3 chương những nội dung chính sau:

- Chương 1 giới thiệu chung về triết học và vai trò của triết học nói chung và triết học Mác – Lênin nói riêng trong đời sống.
- Chương 2 giới thiệu những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật như: Vật chất và ý thức, Phép biện chứng duy vật, Lý luận nhận thức.
- Chương 3 giới thiệu những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử như: Hình thái kinh tế - xã hội, Giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, Ý thức xã hội, Vấn đề con người.

Tiếng Anh:

The module consists of 3 chapters with the following main contents:

Chapter 1 introduces general philosophy and the role of philosophy in general and Marxist - Leninist philosophy in particular in life.

Chapter 2 introduces the basic contents of dialectical materialism and dialectical dialectic such as: Material and consciousness, Material dialectical dialectic, Cognitive theory.
Chapter 3 introduces the basic contents of historical materialism such as: Socio-economic morphology, Class and ethnicity, State and social revolution, Social consciousness, Human issues.

3. Giáo trình, tài liệu tham khảo

Giáo trình:

- [1] Giáo trình ***Triết học Mác - Lênin***, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002 (2004, 2005, 2006).

Các tài liệu tham khảo:

- [1] Giáo trình ***Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin***, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội năm 2016.
[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, ***Giáo trình Triết học Mác - Lênin***, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội năm 2014.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức	Hiểu được về sự ra đời của triết học nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng và vấn đề cơ bản của triết học. Hiểu được vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	
	Nắm được những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật: Vật chất - ý thức, Phép biện chứng duy vật, Lý luận nhận thức.	
	Nắm được những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử: Hình thái kinh tế – xã hội, Giai cấp – dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, Ý thức xã hội, Vấn đề con người.	
Kỹ năng	Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để hiểu được đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.	
	Sinh viên có kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá được một số vấn đề lý luận và thực tiễn từ tiếp cận triết học.	
	Kỹ năng mềm: + Thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian, lập kế hoạch,... + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.	
Thái độ	Có niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường XHCN mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn.	

	Chuyên cần, có tinh thần chủ động nghiên cứu, học tập để nắm vững kiến thức học phần.	
	Có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Chấp hành tốt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	

5. Phương pháp đánh giá học phần

Hình thức	Số lần	Mô tả	Thời gian	Trọng số
Chuyên cần			Thường xuyên	5%
Chuẩn bị bài				5%
Thái độ học tập tích cực				5%
Bài kiểm tra trên lớp	2 lần kiểm tra	- 30 phút/bài - 30 câu trắc nghiệm trên giấy tại lớp.	- Sau khi kết thúc Chương 2 - Sau khi kết thúc Chương 3	20%
Tham quan	1 lần	Tham quan bảo tàng Dân tộc học và hoàn thành bài thu hoạch	Theo lịch trình đầu học kỳ	5%
Tổng điểm quá trình				40%
Thi kết thúc học phần	1	- 50 phút - 70 câu trắc nghiệm, làm bài trên máy hoặc phiếu trả lời trắc nghiệm.	1-2 tuần sau khi kết thúc môn học	60%

6. Dự kiến danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email	Chức danh, chức vụ
1	Tô Mạnh Cường	TS	0983809699	tomanhcuong@tlu.edu.vn	GVC, Trưởng Bộ môn
2	Đào Thu Hiền	TS	0988668700	daothuhien@tlu.edu.vn	Giảng viên
3	Nguyễn Thị Cẩm Tú	TS	0945526116	tuntc@tlu.edu.vn	Giảng viên
4	Nguyễn Thị Nga	TS	0914600227	<u>nguyenthinga@tlu.edu.vn</u>	Giảng viên

5	Nguyễn Thị Hoàn	ThS	0973313786	nguyenthihoan@tlu.edu.vn	Giảng viên
6	Phạm Văn Hiến	ThS	0913030366	phamvanhien@tlu.edu.vn	Giảng viên
7	Vương Thị Huệ	ThS	0984648668	vuongthihue@tlu.edu.vn	Giảng viên
8	Vũ Thu Hương	ThS	0942158117	vuthuhuong@tlu.edu.vn	Giảng viên

7. Nội dung, phương pháp dạy - học và đánh giá

7.1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Nội dung	Thời gian tự học của SV (giờ)	Thời gian của học phần				
		Lý thuyết (giờ)		Thảo luận/ Tham quan (giờ)	Kiểm tra	Tổng số (giờ)
		Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)			
Phần lý thuyết						
CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI		3		0	0	3
1.1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC						
1.1.1. Khái lược về triết học						
1.1.1.1. Nguồn gốc của triết học		0.5				
1.1.1.2. Khái niệm triết học		0.5				
1.1.1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử						
1.1.1.4. Triết học- hạt nhân lý luận của thế giới quan						
1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học						
1.1.2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học		0.5				
1.1.2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ		0.5				

nghĩa duy tâm						
1.1.2.3. Thuyết khả tri và thuyết bất khả tri						
1.1.3. Biện chứng và siêu hình						
1.1.3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử						
1.1.3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử						
1.2. TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI						
1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin						
1.2.1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác		0.5				
1.2.1.2. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác						
1.2.1.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện						
1.2.1.4. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển triết học Mác						
1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác- Lênin						
1.2.2.1. Khái niệm triết học Mác- Lênin		0.5				
1.2.2.2. Đối tượng của triết học Mác- Lênin						
1.2.2.3. Chức năng của triết học Mác- Lênin						
1.2.3. Vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay						
1.2.3.1. Triết học Mác- Lênin là thế						

giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn						
1.2.3.2. Triết học Mác- Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ						
1.2.3.3. Triết học Mác- Lênin là cơ sở khoa học của công cuộc xây dựng CNXH trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN Việt Nam						
CHƯƠNG 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG		15		4	1	20
2.1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC						
2.1.1. Vật chất, phương thức và các hình thức tồn tại của vật chất						
2.1.1.1. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước Mác về phạm trù vật chất						
2.1.1.2. Cuộc cách mạng trong KHTN cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất						
2.1.1.3. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất		<i>1</i>				
2.1.1.4. Phương thức và các hình thức tồn tại của vật chất		<i>1</i>				
2.1.1.5. Tính thống nhất vật chất của thế giới						
2.1.2. Nguồn gốc, bản chất, kết cấu của ý thức						
2.1.2.1. Nguồn gốc của ý thức		<i>1</i>				
2.1.2.2. Bản chất của ý thức		<i>1</i>				

2.1.2.3. Kết cấu của ý thức						
2.1.3. Mỗi quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức						
2.1.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình						
2.1.3.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng		1		1		
2.2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT						
2.2.1. Biện chứng và phép biện chứng duy vật						
2.2.1.1. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan						
2.2.1.2. Khái niệm, đặc điểm, kết cấu của phép biện chứng duy vật		0.5				
2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật						
2.2.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật		2				
2.2.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật		1.5		1		
2.2.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật		3		1		
2.3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC						
2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng						
2.3.2. Khái niệm, bản chất của quá trình nhận thức		0.5				
2.3.3. Mỗi quan hệ biện chứng giữa các giai đoạn của quá trình nhận thức		1.5				
2.3.4. Mỗi quan hệ biện chứng giữa nhận thức với thực tiễn		1		1		
2.3.5. Tính chất của chân lý						
CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ		12		9	1	22
3.1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI						

3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội		0.5				
3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất						
3.1.2.1. Phương thức sản xuất		1				
3.1.2.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất		1		1		
3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng						
3.1.3.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng		0.5				
3.1.3.2. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng		0.5				
3.1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên						
3.1.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội		0.5				
3.1.4.2. Tiến trình lịch sử tự nhiên của xã hội loài người		0.5				
3.1.4.3. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng						
3.2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC						
3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp		0.5				
3.2.1.1. Giai cấp						
3.2.1.2. Đấu tranh giai cấp						
3.2.1.3. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản						
3.2.2. Dân tộc				6		
3.2.2.1. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc		0.5				
3.2.2.2. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay		0.5				
3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại						
3.2.3.1. Quan hệ giai cấp – dân tộc						
3.2.3.2. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại						
3.3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI						
3.3.1. Nhà nước		1.0				
3.3.1.1. Nguồn gốc của nhà nước						
3.3.1.2. Bản chất của nhà nước						

3.3.1.3. Đặc trưng cơ bản của nhà nước						
3.3.1.4. Chức năng cơ bản của nhà nước						
3.3.1.5. Các kiểu và hình thức nhà nước						
3.3.2. Cách mạng xã hội		<i>1.0</i>		<i>1</i>		
3.3.2.1. Nguồn gốc của cách mạng xã hội						
3.3.2.2. Bản chất của cách mạng xã hội						
3.3.2.3. Phương pháp cách mạng						
3.3.2.4. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay						
3.4. Ý THỨC XÃ HỘI				<i>1</i>		
3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội						
3.4.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội		<i>0.5</i>				
3.4.1.2. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội		<i>0.5</i>				
3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội						
3.4.2.1. Khái niệm ý thức xã hội		<i>0.5</i>				
3.4.2.2. Phân loại ý thức xã hội		<i>0.5</i>				
3.5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI				<i>1</i>		
3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người		<i>0.5</i>				
3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người						
3.5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử		<i>0.5</i>				
3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam						
TỔNG		30		13	2	45
Phần thảo luận						
Chương 1 :				0		
Chương 2 :				4		
- Nội dung 1: <i>Từ mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, chúng ta rút ra ý nghĩa phương pháp luận để vận dụng vào thực tiễn như</i>				<i>1</i>		

thế nào?						
- Nội dung 2: Từ mối quan hệ của cặp phạm trù cái chung – cái riêng, hãy rút ra ý nghĩa phương pháp luận cho hoạt động thực tiễn? - Vai trò của các quy luật cơ bản trong phép biện chứng duy vật là gì? Ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ các quy luật đó?				2		
- Nội dung 3: Vai trò của nhận thức lý luận KH đối với thực tiễn là gì? Ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ đó.				1		
Chương 3:				3		
- Nội dung 1: Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0				1		
- Nội dung 2: Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và liên hệ đến việc xây dựng đời sống văn hóa mới ở nước ta hiện nay.				1		
- Nội dung 3: Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về con người, liên hệ tới việc xây dựng con người trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay.				1		
KIỂM TRA 1					1	
KIỂM TRA 2					1	
Thăm quan bảo tàng dân tộc Việt Nam				6		
Tổng (TL + TQ + KT)				13	2	

7.2. Nội dung, hoạt động dạy - học và đánh giá

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra chi tiết	PP giảng dạy, hoạt động dạy và học	Hoạt động đánh giá
	CHƯƠNG 1:			
	1.1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học	-Hiểu được khái niệm triết học (các quan niệm khác nhau về triết học, quan niệm của triết học Mác-Lênin về triết học). - Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử. - Hiểu được nội dung triết học với tư cách là hạt nhân	- Giảng viên: + Giới thiệu đề cương môn học và các yêu cầu của môn học. +Giới thiệu các quan niệm về triết học trong lịch sử triết học. + Trình bày quan niệm triết học Mác về triết học + Trình bày nội dung vấn đề cơ bản của triết học.	+ Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên với những nội dung được yêu cầu. + Đặt các câu

	1.1.3. Biện chứng và siêu hình	lý luận của thế giới quan - Hiểu được nội dung vấn đề cơ bản của triết học. - Hiểu được sự khác nhau giữa chủ nghĩa duy và chủ nghĩa duy tâm khi giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. - Hiểu được sự khác nhau giữa Thuyết khả tri và thuyết bất khả tri khi giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. - Hiểu được khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử.	+ Phân biệt sự khác nhau của các trường phái triết học khi giải quyết vấn đề cơ bản triết học. +Yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu các nội dung sau: +) Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử (<i>tr 9-12</i>). +) Triết học- hạt nhân lý luận của thế giới quan (<i>tr 12-13</i>). +) Thuyết khả tri và thuyết bất khả tri (<i>tr 18</i>). +) Siêu hình và biện chứng (<i>tr 19-21</i>). - Sinh viên: + Nghiên cứu trước nội dung bài; + Ghi chép các khái niệm nội dung giảng viên trình bày; + Trả lời những vấn đề mà giảng viên nêu ra; + Trao đổi cùng giảng viên những vấn đề mình chưa hiểu, hoặc cần làm rõ thêm...	hỏi để đánh giá sự tiếp thu bài của sinh viên. + Đặt các câu hỏi để đánh giá sự hiểu biết của sinh viên về những vấn đề của bài giảng.
	1.2. TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	- Hiểu được những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác (bối cảnh kinh tế- xã hội, các tiền đề lý luận, tiền đề khoa học tự nhiên). - Hiểu được thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện. - Hiểu được khái niệm triết học Mác- Lênin. - Hiểu được đối tượng của triết học Mác- Lênin. - Hiểu được chức năng của triết học Mác- Lênin. - Hiểu được vai trò triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	- Giảng viên: + Trình bày bối cảnh lịch sử cho sự ra đời triết học Mác. + Trình bày khái niệm, đối tượng, chức năng của triết học Mác- Lênin. + Đặt ra những vấn đề, câu hỏi để trao đổi cùng sinh viên. + Yêu cầu và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu các nội dung: +) Các giai đoạn phát triển của triết học Mác (<i>tr 139-155</i>). +) Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện (<i>tr 156 - 159</i>). +) Giai đoạn Lênin trong sự phát triển triết học Mác (<i>tr 159 - 163</i>). +) Vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay (<i>tr 26 - 26</i>). - Sinh viên: + Chuẩn bị, nghiên cứu những vấn đề mà giảng viên đã yêu cầu + Nghe, ghi những nội dung giảng viên trình bày + Trả lời những câu hỏi, những vấn	

			đề mà giảng viên đặt ra + Hiểu được điều kiện ra đời và các giai đoạn phát triển của triết học Mác- Lênin + Hiểu được khái niệm, đối tượng, chức năng của triết học Mác- Lênin + Có thể đặt câu hỏi trong quá trình học tập. + Nghiên cứu các liệu liên quan + Trao đổi với giảng viên những vấn đề chưa hiểu hoặc những vấn đề mới của thực tiễn cần đặt ra.	
	CHƯƠNG 2:			
	2.1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC 2.1.1. Vật chất, phương thức và các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất, kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức	- Hiểu khái quát các quan niệm trước Mác về vật chất □ Từ đó, đánh giá được ưu điểm và hạn chế của các quan niệm trước Mác về vật chất. - Hiểu được yêu cầu khách quan tất yếu của sự ra đời định nghĩa vật chất mới của Lênin. - Hiểu được nội dung quan niệm về vật chất của CNDVBC. □ Từ đó rút ra được ý nghĩa sự ra đời của định nghĩa về vật chất của Lênin - Hiểu được phương thức tồn tại của vật chất và 2 hình thức biểu hiện sự tồn tại của vật chất. - Hiểu được nguyên tắc thống nhất của thế giới. - Hiểu được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của ý thức. - Hiểu được 3 đặc điểm bản chất của ý thức. - Hiểu được kết cấu phức tạp của ý thức theo các góc độ tiếp cận khác nhau. - Hiểu được vai trò quyết định của vật chất với ý thức và khả năng tác động trở lại của ý thức với vật chất. □ Từ đó: + So sánh với các quan	□ Giảng viên: + Giới thiệu sơ lược các quan niệm về vật chất trước Mác và bối cảnh ra đời định nghĩa vật chất của Lênin; Trao đổi với SV để rút ra ưu điểm, hạn chế ở các quan niệm trước Mác + Giảng giải nội hàm định nghĩa vật chất của Lênin + Phân tích vận động là phương thức tồn tại; Không gian, thời gian là hình thức tồn tại của vật chất + Phân tích 2 nguồn gốc và 3 khía cạnh bản chất của ý thức □ Sinh viên: + SV chú ý ghi chép các nội dung trọng tâm được giảng trên lớp + <u>SV TỰ NGHIÊN CỨU:</u> • Bối cảnh ra đời, ý nghĩa sự ra đời định nghĩa vật chất của Lênin (tr.170-tr.176) • Tính thống nhất vật chất của thế giới (tr.164-tr.169) • Kết cấu của ý thức (tr.197-tr.202) • Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, tự lấy các ví dụ minh họa + Tổng hợp các kiến thức trên cơ sở được hướng dẫn + <u>NỘI DUNG SV CẦN CHUẨN BỊ CHO BUỔI TIẾP THEO:</u> • Các hình thức phát triển của phép biện chứng (tr.19-tr.21); (tr.206-207) • Các khái niệm: biện chứng khách quan, biện chứng chủ quan, phép biện chứng, đặc điểm và kết cấu	- Kiểm tra phần sinh viên tự nghiên cứu trước ở nhà đã giao buổi trước -Kiểm tra khả năng lĩnh hội tri thức của SV trên lớp trong quá trình giảng -Kiểm tra khả năng vận dụng lấy ví dụ của sinh viên về: + Về các hình thức vận động, đứng im; + Về mối quan hệ giữa vật chất với ý thức, đặc biệt là ví dụ về sức mạnh của ý thức với hoạt động con người

		niệm khác về mối quan hệ giữa vật chất với ý thức. + SV đánh giá về tính khoa học của CNDVBC trong việc giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. + Có khả năng lấy ví dụ minh họa về các nội dung. + Củng cố niềm tin đúng đắn, khoa học về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa chúng để vận dụng trong thực tiễn.	phép biện chứng duy vật - Ghi lại các khái niệm của 2 nguyên lý (tr:208-219) - Ghi lại khái niệm các cặp phạm trù (tr:228- 258) - Ghi lại khái niệm trong 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật (tr:264-289) Chuẩn bị nội dung của câu hỏi thảo luận: <i>Từ mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, chúng ta rút ra ý nghĩa phương pháp luận để vận dụng vào thực tiễn như thế nào?</i>	
	2.2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT 2.2.1. Biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	- Hiểu hơn về tính biện chứng của thế giới và biện chứng của tư duy. - Hiểu được khái niệm, đặc điểm, kết cấu của phép chứng. ☐ Từ đó, sinh viên có thể so sánh với các học thuyết khác để đánh giá tính đúng đắn khoa học của phép biện chứng duy vật. - SV hiểu rõ các khái niệm, phạm trù cơ bản, nguyên lý, quy luật trong phép biện chứng duy vật. ☐ SV có thể tự rút ra các bài học mang tính phương pháp luận cho hoạt động nhận thức và thực tiễn	☐ Giảng viên: + Hệ thống lại các hình thức phát triển của phép biện chứng và nhấn mạnh ưu điểm của phép biện chứng duy vật + Trao đổi và yêu cầu SV rút ra ưu điểm của phép biện chứng duy vật + Phân tích 2 nguyên lý: nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý về sự phát triển + Trao đổi với sinh viên về ý nghĩa phương pháp luận rút ra + Giới thiệu 3 cặp phạm trù: cặp phạm trù cái chung - cái riêng, nguyên nhân – kết quả, bản chất – hiện tượng + Giao cho SV tự nghiên cứu 3 cặp phạm trù còn lại + Phân tích 3 quy luật: quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến những sự thay đổi về chất và ngược lại; quy luật sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập; quy luật phủ định của phủ định ☐ Sinh viên: + Ghi nhớ bài giảng trên lớp về các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật của phép biện chứng duy vật + So sánh với các quan điểm duy tâm, siêu hình trong phần tự nghiên cứu + Trao đổi để hiểu hơn và vận dụng lấy ví dụ	+ Kiểm tra bài chuẩn bị phần thảo luận về vật chất và ý thức + Kiểm tra nội dung tự nghiên cứu ở nhà của sinh viên về: tính biện chứng, biện chứng khách quan, biện chứng chủ quan, mối quan hệ giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan + Kiểm tra khả năng nắm bắt kiến thức trên lớp + Kiểm tra khả năng vận dụng lấy các ví dụ, tình huống cụ thể về mối liên hệ phổ biến, về sự phát triển; Minh họa cho mối liên hệ

			<u>NỘI DUNG TỰ NGHIÊN CỨU CỦA SINH VIÊN:</u> + 3 cặp phạm trù: Nội dung – Hình thức; Tất nhiên – Ngẫu nhiên; Khả năng – Hiện thực + Ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ 6 cặp phạm trù (tr:239-259) <u>+ NỘI DUNG SV CẦN CHUẨN BỊ CHO BUỔI TIẾP THEO:</u> • Khái niệm, các nguyên tắc của nhận thức duy vật (tr:292-294) • Đọc trước phần các cấp độ của quá trình nhận thức (tr:300-305); Vai trò của thực tiễn với nhận thức (tr:294-300) • Tính chất chân lý (tr:310-314) • Chuẩn bị nội dung của câu hỏi thảo luận: <i>- Từ mối quan hệ của cặp phạm trù cái chung – cái riêng, hãy rút ra ý nghĩa phương pháp luận cho hoạt động thực tiễn?</i> <i>- Vai trò của các quy luật cơ bản trong phép biện chứng duy vật là gì? Ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ các quy luật đó?</i>	giữa các cặp phạm trù + Lấy ví dụ để làm rõ việc vận dụng các bài học mang ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ nội dung các quy luật
	2.3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC 2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.3.2. Khái niệm, bản chất của quá trình nhận thức 2.3.3. Mối quan hệ biện chứng giữa các giai đoạn của quá trình nhận thức 2.3.4. Mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức với thực tiễn	- Hiểu được 3 nguyên tắc của nhận thức duy vật biện chứng. - Hiểu được khái niệm, bản chất của quá trình nhận thức. □ Từ mục các nội dung trên, SV có thể so sánh, đánh giá ưu điểm của quan niệm DVBC về nhận thức so với các quan niệm duy tâm, duy vật siêu hình. - Hiểu được đặc điểm của các giai đoạn trong quá trình nhận thức và mối quan hệ biện chứng giữa các giai đoạn nhận thức đó. □ SV có thể rút ra ưu điểm, hạn chế của các giai đoạn trong quá trình nhận thức. □ Tìm ra mối liên hệ biện	□ Giáo viên: - Phân tích về khái niệm, bản chất của quá trình nhận thức - Làm rõ đặc điểm các giai đoạn của quá trình nhận thức, □ Yêu cầu sinh viên tìm ra mối liên hệ, tác động của các giai đoạn trong quá trình nhận thức - Giảng về thực tiễn, vai trò của thực tiễn với quá trình nhận thức. - Hướng dẫn sinh viên phân tích vai trò của nhận thức với thực tiễn □ Sinh viên: + Ghi nhớ các khái niệm cơ bản của nhận thức + Rút ra ý nghĩa phương pháp luận từ việc nghiên cứu mối quan hệ giữa các giai đoạn của quá trình nhận thức và mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức với thực tiễn	+ Kiểm tra nội dung tự nghiên cứu về các nguyên tắc nhận thức DVBC, chân lý và tính chất của chân lý + Kiểm tra khả năng tiếp thu nội dung bài giảng trên lớp - Kiểm tra khả năng khái quát ý nghĩa phương pháp luận - Kiểm tra việc vận dụng lấy ví

	2.3.5. Tính chất của chân lý	chứng giữa các giai đoạn - Hiểu được khái niệm thực tiễn, vai trò của thực tiễn với nhận thức và vai trò của nhận thức đối với quá trình cải tạo thực tiễn. □ SV có thể vận dụng cho quá trình học tập của bản, có thái độ đúng đắn hơn về việc trang bị nhận thức khoa học để cải tạo thực tiễn.	<u>NỘI DUNG TỰ NGHIÊN CỨU CỦA SINH VIÊN:</u> + Tác động trở lại của nhận thức với thực tiễn. Chú ý vai trò của nhận thức lý luận đúng đắn đối với việc cải tạo thực tiễn + Chân lý và tính chất của chân lý (tr:310-314) <u>NỘI DUNG SV CẦN CHUẨN BỊ CHO BUỔI TIẾP THEO:</u> + Sản xuất vật chất – vai trò của sản xuất vật chất + Các khái niệm cơ bản của quy luật giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất; cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng + Chuẩn bị câu hỏi thảo luận: <i>Vai trò của nhận thức lý luận KH đối với thực tiễn là gì? Ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ đó.</i>	dự về giai đoạn nhận thức cảm tính, lý tính, sự tác động qua lại giữa các giai đoạn; Ví dụ về thực tiễn, vai trò của thực tiễn với nhận thức - Kiểm tra việc vận dụng của sinh viên trong quá trình học tập của bản thân
	CHƯƠNG 3			
	3.1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI	- Hiểu được khái niệm sản xuất; sản xuất vật chất; - Nắm vững được vai trò của sản xuất vật chất và ý nghĩa của nó; - Rút ra được ý nghĩa và vận dụng vào việc giải thích các hiện tượng xã hội. - Hiểu được khái niệm và kết cấu phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất; - Nắm được quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất - Rút ra ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn. - Hiểu được khái niệm và kết cấu của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; - Nắm được quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; - Rút ra ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn. - Hiểu được khái niệm và kết cấu của hình thái kinh tế - xã hội; - Hiểu được quá trình lịch sử - tự nhiên của các hình	□ Giảng viên: -Giới thiệu khái quát về nội dung của chương 3, ý nghĩa của chương. - Phương pháp sử dụng: thuyết giảng, phát vấn, nêu vấn đề... - Kỹ thuật dạy học: Bảng, phấn, powpoint. - Nêu và phân tích các khái niệm sản xuất; sản xuất vật chất; lực lượng sản xuất; quan hệ sản xuất; cơ sở hạ tầng; kiến trúc thượng tầng; hình thái kinh tế - xã hội. - Phân tích vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. - Phân tích 2 quy luật cơ bản: Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất; Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng. - Luận giải vấn đề hình thái kinh tế - xã hội. - Rút ra ý nghĩa phương pháp luận và ý nghĩa thực tiễn của từng nội dung của bài học. - Yêu cầu sinh viên nghiên cứu giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. (tr:366) <u>LƯU Ý:</u> Giao cho sinh viên nội dung tự nghiên cứu của bài tiếp theo về giai	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên.

		thái kinh tế - xã hội. - Nắm vững được giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội.	cấp, dân tộc □ Sinh viên: - Đọc, nghiên cứu tài liệu liên quan đến học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã giới thiệu. (tr.349-tr.375) - Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức phát biểu trên lớp: + Chép các khái niệm: sản xuất vật chất (tr.349); phương thức sản xuất (tr.351), lực lượng sản xuất (tr.351); quan hệ sản xuất (tr.353); cơ sở hạ tầng (tr.359); kiến trúc thượng tầng (tr.359); hình thái kinh tế - xã hội (tr.363). + Vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội (tr.350) + Hai quy luật cơ bản: Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất (tr.355-tr.358); Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng (tr.360-363). + Quá trình lịch sử - tự nhiên của các hình thái kinh tế - xã hội. (tr.365-tr.366) - Cùng cố kiến thức, kĩ năng, thái độ theo yêu cầu môn học: + Chuẩn bị đề cương thảo luận chuyên đề: “Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0”. + Hiểu và ủng hộ việc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chủ nghĩa tư bản của Đảng ta.	
	3.2. GIAI CẤP VÀ XÃ HỘI	- Hiểu được định nghĩa giai cấp, nguồn gốc giai cấp, kết cấu xã hội – giai cấp. - Nắm vững được tính tất yếu và thực chất của đấu tranh giai cấp, vai trò của đấu tranh giai cấp trong sự phát triển của xã hội có giai cấp. => ý nghĩa của đấu tranh giai cấp? - Nắm vững được đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản: đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản khi chưa có chính quyền; đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; đặc điểm đấu tranh giai cấp trong thời kỳ	□ Giảng viên: - Giới thiệu nội dung bài học về vấn đề giai cấp và dân tộc. - Phương pháp sử dụng: thuyết giảng, phát vấn, nêu vấn đề... - Kỹ thuật dạy học: bảng, phần, powpoint. - Nêu và phân tích các vấn đề về giai cấp: định nghĩa giai cấp, nguồn gốc giai cấp, kết cấu xã hội – giai cấp. - Nêu và phân tích vấn đề đấu tranh giai cấp, vai trò của đấu tranh giai cấp trong sự phát triển của xã hội có giai cấp. - Phân tích đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản cụ thể qua: đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản khi chưa có chính quyền; đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; từ đó, chỉ	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá bài thu hoạch của sinh viên sau khi đi thực tế.

		quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. - Hiểu được các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc như: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. - Nắm vững được dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay thông qua: khái niệm dân tộc, quá trình hình thành các dân tộc ở châu Âu và đặc thù sự hình thành dân tộc ở châu Á). => Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề dân tộc - Hiểu được quan hệ giai cấp – dân tộc; quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại	ra đặc điểm đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. - Nêu và phân tích các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc như: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. - Nêu và phân tích vấn đề dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay thông qua: khái niệm dân tộc, quá trình hình thành các dân tộc ở châu Âu và đặc thù sự hình thành dân tộc ở châu Á. - Nêu và phân tích mối quan hệ giai cấp – dân tộc; quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại. - Hướng dẫn sinh viên đi thực tế, dã ngoại tìm hiểu vấn đề về dân tộc, mối quan hệ giai cấp – dân tộc và nhân loại: + Tìm hiểu hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc như: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. + Tìm hiểu vấn đề dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay thông qua: khái niệm dân tộc, quá trình hình thành các dân tộc ở châu Âu và đặc thù sự hình thành dân tộc ở châu Á. + Tìm hiểu mối quan hệ giai cấp – dân tộc; quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại. <u>LƯU Ý:</u> Giao cho sinh viên nội dung tự nghiên cứu của bài tiếp theo về nhà nước và cách mạng xã hội. □ Sinh viên: - Đọc, nghiên cứu tài liệu liên quan đến vấn đề giai cấp, đấu tranh giai cấp; dân tộc, quan hệ giai cấp – dân tộc và nhân loại. (tr.376-tr.392) - Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức, tình huống, phát biểu trên lớp: + Chép định nghĩa giai cấp (tr.383-tr.384), nguồn gốc giai cấp (tr.384-385), kết cấu xã hội – giai cấp (tr.386-tr.387). + Chép khái niệm đấu tranh giai cấp (tr.387), vai trò của đấu tranh giai cấp trong sự phát triển của xã hội có giai cấp (tr.387-tr.388) + Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản: đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản khi chưa có chính quyền; đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ từ
--	--	--	---

			chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; đặc điểm đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay (tr.388-tr.391). + Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc như: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. (tr.376-tr.379) + Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay (tr.379-tr.382) + Quan hệ giai cấp – dân tộc; quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại. (tr.391-tr.330) - Cùng cố kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu môn học. - Viết thu hoạch sau buổi đi thực tế tìm hiểu về vấn đề dân tộc, quan hệ giai cấp – dân tộc và nhân loại.	
	3.3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội	- Hiểu được nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng cơ bản của nhà nước - Hiểu được các kiểu và hình thức nhà nước. - Hiểu được nguồn gốc, bản chất của cách mạng xã hội và phương pháp cách mạng. => ý nghĩa của việc nghiên cứu cách mạng xã hội? - Hiểu được vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay.	□ Giảng viên: - Giới thiệu nội dung bài học về vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội. - Phương pháp sử dụng: thuyết giảng, phát vấn, nêu vấn đề... - Kỹ thuật dạy học: bảng, phấn, powpoint. - Nêu và phân tích các nội dung về nhà nước: nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng cơ bản của nhà nước. - Nêu và phân tích các nội dung về cách mạng xã hội: nguồn gốc, bản chất của cách mạng xã hội và phương pháp cách mạng. Liên hệ với thực tiễn vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay. - Yêu cầu sinh viên nghiên cứu các vấn đề: + Các kiểu và hình thức nhà nước. (tr.399-tr.402) + Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay. (tr.418-tr.421) <u>LƯU Ý:</u> Giao cho sinh viên nội dung tự nghiên cứu của bài tiếp theo về ý thức xã hội. □ Sinh viên: - Đọc, nghiên cứu tài liệu liên quan đến vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội. (tr.393-tr.421) - Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức, tình huống, phát biểu trên lớp: + Nguồn gốc của nhà nước (tr.393-tr.394), bản chất của nhà nước	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học.

			(tr.394-tr.395), đặc trưng của nhà nước (tr.396-tr.397), chức năng cơ bản của nhà nước. (tr.397-tr.399) + Chép khái niệm cách mạng xã hội (tr.410); nguyên nhân, vai trò của cách mạng xã hội (tr.411-tr.413); phương pháp cách mạng. (tr.417-tr.418) - Củng cố kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu môn học.	
	3.4. Ý THỨC XÃ HỘI 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội	- Hiểu được khái niệm tồn tại xã hội, các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội - Hiểu được ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội, tính giai cấp của ý thức xã hội, quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, các hình thái ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội - Rút ra ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn	□ Giảng viên: - Giới thiệu các yêu cầu đối với nội dung bài học - Sử dụng phương pháp thuyết trình giảng giải, phát vấn, nêu vấn đề làm rõ khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội; ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội. - Kỹ thuật dạy học: bảng, phấn, sử dụng CNTT trình chiếu ppt bài giảng - Yêu cầu sinh viên đọc, nghiên cứu tài liệu - Phát vấn sinh viên, nêu và phân tích các nội dung về khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội, ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội (tr.422- tr.426) - Yêu cầu sinh viên về nhà chuẩn bị đề cương thảo luận về vấn đề tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và liên hệ đến việc xây dựng đời sống văn hóa mới. LƯU Ý: Giao cho sinh viên nội dung tự nghiên cứu của bài tiếp theo về vấn đề triết học về con người. □ Sinh viên: Đọc, nghiên cứu tài liệu đã giới thiệu về vấn đề ý thức xã hội trước khi đến lớp (tr.423-tr.426) - Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức, + Chép khái niệm tồn tại xã hội, các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội (tr.422); khái niệm ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội. (tr.423-tr.426); tính giai cấp của ý thức xã hội (tr.427- tr.430) + Mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội (tr.430-tr.440); các hình thái ý thức xã hội (tr.440-tr.461)	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên

			- Củng cố kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu môn học. - Chuẩn bị đề cương thảo luận, tích cực tham gia thảo luận về vấn đề: Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và liên hệ đến việc xây dựng đời sống văn hóa mới ở nước ta hiện nay.	
	3.5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	- Hiểu được khái niệm về con người và bản chất con người => Ý nghĩa? - Hiểu được hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người - Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử => ý nghĩa? - Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam. Rút ra ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn.	□ Giảng viên - Giới thiệu các yêu cầu đối với nội dung bài học - Sử dụng phương pháp thuyết trình giảng giải làm rõ khái niệm con người và bản chất con người ; hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người; quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử; Liên hệ đến vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam - Kỹ thuật dạy học: bảng, phấn, sử dụng CNTT trình chiếu ppt bài giảng - Nêu và phân tích các nội dung về các vấn đề: Khái niệm con người, bản chất con người, vấn đề giải phóng con người; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ; quan điểm của Đảng về phát huy nguồn lực con người trong thời kỳ đổi mới. (tr.462- tr.491) - Yêu cầu sinh viên về nhà chuẩn bị đề cương thảo luận về vấn đề: Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về con người, liên hệ tới việc xây dựng con người trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay. □ Sinh viên - Đọc, nghiên cứu trước tài liệu về các nội dung: Khái niệm con người và bản chất con người; hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người; quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử; Liên hệ đến vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam - Nghe giảng, ghi chép, chuẩn bị kiến thức để phát biểu trên lớp. + Ghi chép quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất con người (tr.467-tr. 474); quan hệ giữa cá nhân	- Kiểm tra việc tự nghiên cứu của sinh viên. - Đặt câu hỏi kiểm tra, phát vấn đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên đối với nội dung bài học. - Đánh giá đề cương thảo luận của sinh viên

			và xã hội (tr.474-tr.482); + Chép khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử (tr.483-tr.486); khái niệm lãnh tụ và vai trò của lãnh tụ (tr.487-tr.488); quan hệ giữa quần chúng nhân dân và lãnh tụ (tr.489-tr.491); đọc thêm vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam - Củng cố kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu môn học: - Chuẩn bị đề cương thảo luận và tham gia thảo luận về vấn đề: Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về con người, liên hệ tới việc xây dựng con người trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay.	
--	--	--	--	--

8. Thông tin liên hệ

Bộ môn phụ trách:	Bộ môn Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin
Văn phòng:	Phòng 419 – Nhà A1
Điện thoại:	
Trưởng Bộ môn:	Tô Mạnh Cường/ 0983809699/ tomanhcuong@tlu.edu.vn
Email:	

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2020

TRƯỞNG KHOA
Khoa quản lý ngành đào tạo

TRƯỞNG KHOA
Khoa phụ trách học phần

TRƯỞNG BỘ MÔN